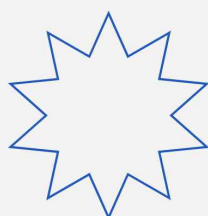




NĂM 2025 KỲ MÙA THU (Đợt 2)  
**THÔNG TIN TUYỂN  
SINH HỆ ĐẠI HỌC**

Vietnamese ver.



## Mục lục

<b>□ Tất tần tật về Thông tin Tuyển sinh năm 2025 .....</b>	<b>2</b>
<b>I. Thông tin tuyển sinh cho sinh viên quốc tế .....</b>	<b>4</b>
<b>1. Đợt 2 Kỳ mùa Thu năm 2025 .....</b>	<b>5</b>
1.1. Khoa và ngành đào tạo .....	5
1.2. Điều kiện ứng tuyển .....	7
1.3. Phương pháp xét tuyển .....	7
1.4. Quyết định trúng tuyển .....	7
1.5. Thời gian nộp hồ sơ .....	8
1.6. Bài thi thực hành .....	9
1.7. Cách thức tiếp nhận hồ sơ .....	13
1.8. Phí xét tuyển .....	13
1.9. Hồ sơ cần thiết .....	14
1.10. Lưu ý về hồ sơ .....	15
<b>2. Tiêu chuẩn năng lực tiếng Hàn và Thông tin về chương trình dự bị tiếng Hàn .....</b>	<b>16</b>
2.1. Quy trình nhập học lớp dự bị tiếng Hàn .....	16
2.2. Yêu cầu về năng lực tiếng Hàn để nhập học đại học .....	16
2.3. Lưu ý cho sinh viên chưa đạt yêu cầu về năng lực tiếng Hàn .....	16
<b>3. Học bổng và Học phí .....</b>	<b>17</b>
3.1. Kỳ đầu tiên .....	17
3.2. Từ kỳ thứ 2 trở đi .....	17
3.3. Học phí (năm 2025) .....	17
<b>4. Thủ tục xin Visa (D-2) .....</b>	<b>18</b>
<b>5. Đăng ký “Giấy báo nhập học” .....</b>	<b>18</b>
<b>6. Giấy tờ cần thiết để đăng ký “Giấy báo nhập học” .....</b>	<b>19</b>
6.1. Hồ sơ Chứng minh tài chính .....	19
6.2. Tài liệu chứng minh học lực cao nhất .....	19
6.3. Phương pháp xác thực từng loại tài liệu chứng minh học lực cao nhất .....	20
<b>7. Danh sách các trường đại học được công nhận chứng chỉ tiếng Hàn .....</b>	<b>21</b>
<b>8. Phương thức nhập điểm trên đơn ứng tuyển online .....</b>	<b>21</b>
<b>II. Đời sống sinh viên .....</b>	<b>22</b>
1. Liên hệ .....	23
2. Ký túc xá .....	24
2.1. Ký túc xá cơ sở Seoul .....	24
2.2. Ký túc xá cơ sở Anseong .....	26
3. Bản đồ campus .....	28

## “ TẤT TẦN TẬT VỀ THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025 ”

### ■ Thay đổi mới về thông tin tuyển sinh

	2024 (Quy định cũ)	2025 (Đổi mới)
Đối tượng được ứng tuyển vào khoa Đông Phương học (아시아문화학부)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên quốc tịch Nhật Bản không được phép nộp vào ngành Nhật Bản học</li> <li>- Sinh viên quốc tịch Trung Quốc không được phép nộp vào ngành Trung Quốc học</li> </ul>	Không có hạn chế về quốc tịch

### ■ Phương pháp xét tuyển

Khối ngành/Khoa (Ngành)	Cách thức tính điểm	Phương pháp xét tuyển và tỉ lệ
Nhân văn, Khoa học Xã hội, Kinh doanh - Kinh tế, Khoa học tự nhiên, Công nghệ sinh học, Bách khoa, Kỹ thuật Sáng tạo ICT, Công nghệ thông tin, Nghệ thuật & Công nghệ Ngành Thiết kế Nhà ở & Nội thất và Ngành Thời trang	Cộng gộp toàn bộ điểm	Xét duyệt hồ sơ 100%
Nghệ thuật, Thể dục Thể thao	Cộng gộp toàn bộ điểm	Xét duyệt hồ sơ 50%, Thi thực hành (Portfolio) 50%

### ■ Một số thông tin cơ bản

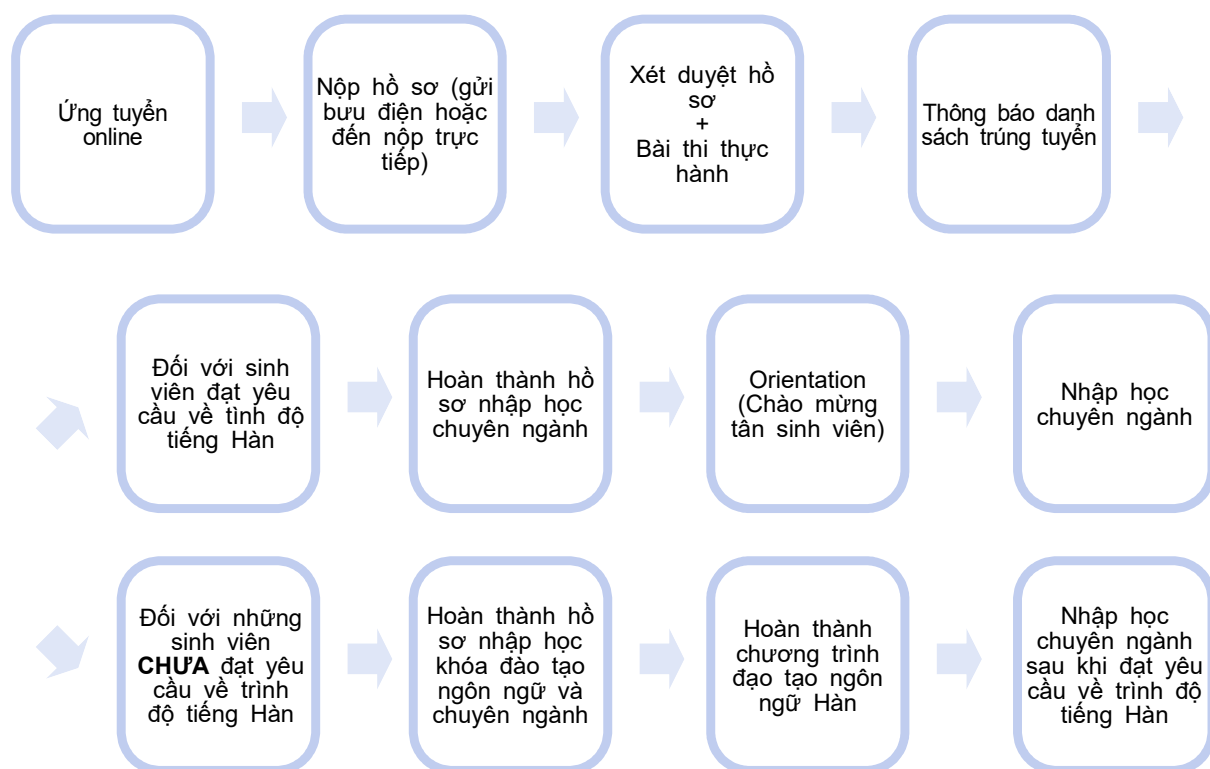
	Chi tiết		Ghi chú
Có 4 đợt ứng tuyển trong một năm	Kỳ nhập học	Thời gian nộp hồ sơ	Đối với những khoa yêu cầu phỏng vấn trực tiếp chỉ có thể nộp hồ sơ vào đợt 1 mỗi kỳ (tháng 9 cho kỳ mùa Xuân và tháng 3 cho kỳ mùa Thu)
	Kỳ mùa Xuân	Tháng 9, tháng 11	
	Kỳ mùa Thu	Tháng 3, tháng 6	
Được phép đăng ký 2 nguyện vọng	Có thể đăng ký 2 ngành khác nhau cùng một lúc		Những ngành thuộc các khoa sau chỉ được đăng ký ở nguyện vọng 1: Khoa Nghệ thuật, Khoa Thể dục Thể thao
Khóa học tiếng dành cho sinh viên chưa đạt yêu cầu về trình độ tiếng Hàn	Những sinh viên đã vượt qua kỳ tuyển sinh nếu chưa đạt yêu cầu về trình độ tiếng Hàn sẽ được học chuyên ngành SAU KHI hoàn thành chương trình tiếng Hàn tại trường.		Yêu cầu về trình độ tiếng Hàn: Tham khảo thông tin của mỗi khoa
Sáu chuyên ngành chứng nhận kỹ thuật ABEEK	Kỹ thuật xây dựng & môi trường, Kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật điện và điện tử, Công nghệ thông tin, Ngành Kiến trúc công nghiệp		Sau khi nhập học, sinh viên có thể chọn lấy chứng chỉ kỹ thuật.

※ Chứng chỉ kỹ thuật (ABEEK) là chứng chỉ giáo dục được quốc tế công nhận, đảm bảo sinh viên hoàn thành chương trình này có đủ kiến thức để bước vào ngành kỹ thuật thực tiễn.

■ Thời gian biểu cho đợt xét tuyển hồ sơ Kỳ mùa Thu năm 2025

	Đợt 1	Đợt 2
Thời gian đăng ký và nộp hồ sơ	Từ thứ 2, 24/03/2025 đến thứ 6, 18/04/2025	Từ thứ 2, 02/06/2025 đến thứ 6, 13/06/2025
Bài thi thực hành của Khối ngành Nghệ thuật và Thể dục Thể thao	Thứ 7, 26/04/2025	Thứ 7, 21/06/2025
Thông báo danh sách sinh viên trúng tuyển	Thứ 6, 16/05/2025	Thứ 6, 04/07/2025

■ Quá trình tuyển sinh cho sinh viên quốc tế



## I . Thông tin tuyển sinh cho sinh viên quốc tế

---

- Đợt 2 Kỳ mùa Thu năm 2025
- Tiêu chuẩn năng lực tiếng Hàn và Thông tin về chương trình dự bị tiếng Hàn
- Học bổng và Học phí
- Thủ tục xin Visa (D-2)
- Đăng ký “Giấy báo nhập học”
- Giấy tờ cần thiết để đăng ký “Giấy báo nhập học”
- Danh sách các trường đại học được công nhận chứng chỉ tiếng Hàn
- Phương thức nhập điểm trên đơn ứng tuyển online

# 1 ĐỢT 2 KỲ MÙA THU NĂM 2025

## 1.1. Khoa và ngành đào tạo

Khoa và ngành đào tạo			Cơ sở	Tân sinh viên	Chuyển tiếp (năm 2/năm 3)	Thi thực hành/Portfolio	Đăng ký ở nguyện vọng 2
Khối	Khoa/Ngành						
Nhân văn	Khoa Ngôn ngữ và Văn học Hàn Quốc		Seoul	0	0	Không tiến hành	Có thể
	Khoa Ngôn ngữ và Văn học Anh			0	0		
	Khoa Văn hóa Châu Âu	Ngành Ngôn ngữ và Văn học Đức		0	0		
		Ngành Ngôn ngữ và Văn học Pháp		0	0		
		Ngành Ngôn ngữ và Văn học Nga		0	0		
	Khoa Đông phương học	Ngành Ngôn ngữ và Văn học Nhật Bản		0	0		
		Ngành Ngôn ngữ và Văn học Trung Quốc		0	0		
	Khoa Triết học			0	0		
	Khoa Lịch sử			0	0		
Khoa học Xã hội	Khoa Chính trị & Quan hệ Quốc tế			0	0		
	Khoa Hành chính công			0	0		
	Khoa Tâm lý học			0	0		
	Khoa học Thông tin và Thư viện			0	0		
	Khoa Phúc lợi Xã hội			0	0		
	Khoa Truyền thông			0	0		
	Khoa Xã hội học			0	0		
	Khoa Quy hoạch Đô thị & Bất động sản			0	0		
Kinh doanh – Kinh tế	Khoa Quản trị Kinh doanh	Ngành Quản trị Kinh doanh		0	0		
	Khoa Kinh tế			0	0		
	Khoa Thống kê Ứng dụng		0	0			
	Khoa Quảng cáo & Quan hệ Công chúng <sup>1</sup>		0	0			
	Khoa Logistics Quốc tế		0	0			
Khoa học Tự nhiên	Khoa Vật lý		0	0			
	Khoa Hóa học		0	0			
	Khoa Sinh học		0	0			
	Khoa Toán học		0	0			

Khoa và ngành đào tạo			Cơ sở	Tân sinh viên	Chuyển tiếp (năm 2/năm 3)	Thi thực hành/Portfolio	Đăng ký ở nguyện vọng 2
Khối	Khoa/Ngành						
Bách khoa	Khoa Kiến trúc <sup>2</sup>	Ngành Kiến trúc công nghiệp (4 năm) <sup>3</sup>	Seoul	0	0	Không tiến hành	Có thể
		Ngành Kiến trúc (5 năm)		0	X		
	Khoa Kỹ thuật Cơ khí <sup>3</sup>			0	0		
	Khoa Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng Xây dựng & Môi trường	Kỹ thuật Xây dựng & Môi trường <sup>3</sup>		0	0		
		Ngành Thiết kế & Nghiên cứu Đô thị		0	0		
	Kỹ thuật Hóa học <sup>3</sup>			0	Chỉ áp dụng cho năm 2		
	Kỹ thuật Hóa học & Khoa học Vật liệu			X	Chỉ áp dụng cho năm 3		
Kỹ thuật Sáng tạo ICT	Kỹ thuật Điện & Điện tử <sup>3</sup>		0	0			
Công nghệ thông tin	Khoa Công nghệ thông tin <sup>3</sup>		0	0			
Công nghệ sinh học	Khoa Công nghệ Tài nguyên Sinh học	Ngành Công nghệ Sinh học Động vật	Da Vinci (Anseong)	0	0	Portfolio	Không thể
		Ngành Công nghệ Sinh học Thực vật		0	0		
	Khoa Công nghệ thực phẩm	Ngành Công nghệ thực phẩm		0	0		
		Ngành Thực phẩm dinh dưỡng		0	0		
Nghệ thuật	Khoa Thiết kế	Thủ công mỹ nghệ	0	0	Portfolio	Không thể	
		Thiết kế Công nghiệp					
		Thiết kế Trực quan			Không tiến hành		
		Thiết kế Nhà ở & Nội thất <sup>4,5</sup>					
	Khoa Nghệ thuật Toàn cầu	Thời trang <sup>4</sup>	0	0	Portfolio		
		Phát thanh Truyền hình & Giải trí					
Âm nhạc Ứng dụng							
Game Contents & Animations			0	0			
	Thể thao Thể dục	Khoa Khoa học Thể thao	Thể thao & Giải trí/Công nghiệp Thể thao	0	0	Portfolio	
Nghệ thuật & Công nghệ	Nghệ thuật & Công nghệ <sup>2</sup>			0	X	Không tiến hành	Có thể

- 1) Ngành Quảng cáo & Quan hệ Công chúng yêu cầu ứng viên phải có chứng chỉ năng lực tiếng Hàn (TOPIK) từ cấp 5 trở lên mới đủ điều kiện ứng tuyển. Sinh viên chuyển tiếp chỉ có thể ứng tuyển nếu trước đó đã theo học chuyên ngành Quảng cáo & Quan hệ Công chúng hoặc một chuyên ngành tương đương.
- 2) Đối với Khoa Kiến trúc, vào năm thứ ba sinh viên phải chọn chuyên ngành.
- 3) Chương trình Kỹ thuật được chứng nhận ABEEK
- 4) Ngành Thiết kế Nhà ở & Nội thất và Ngành Thời trang của Khoa Thiết kế sẽ được xét tuyển dựa trên các yêu cầu tương tự như các ngành thuộc Khoa Nhân văn mà không cần thi thực hành.
- 5) Đối với ngành Thiết kế Nhà ở & Nội thất của Khoa Thiết kế, ứng viên phải có chứng chỉ năng lực tiếng Hàn (TOPIK) từ cấp 5 trở lên để đủ điều kiện ứng tuyển hệ chuyển tiếp.

## 1.2. Điều kiện ứng tuyển

	Yêu cầu	Lưu ý
Đối với tân sinh viên	Cả bố và mẹ của ứng viên đều không được mang quốc tịch Hàn Quốc. Ứng viên phải ĐÃ tốt nghiệp hoặc DỰ KIẾN sẽ tốt nghiệp cấp 3 hoặc chứng chỉ giáo dục tương đương.	※ Ứng viên có hai quốc tịch (quốc tịch Hàn Quốc + quốc tịch khác) không thể đăng ký loại hình tuyển sinh này.
Đối với sinh viên hệ chuyển tiếp năm 2	Cả bố và mẹ của ứng viên đều không được mang quốc tịch Hàn Quốc. Ứng viên phải ĐÃ hoàn thành (hoặc DỰ KIẾN sẽ hoàn thành) ít nhất một năm (hai học kỳ) trong chương trình đại học tại một trường đại học chính quy; hoặc ĐÃ tốt nghiệp (hoặc DỰ KIẾN sẽ tốt nghiệp) từ một trường cao đẳng hai năm hoặc ba năm; hoặc chứng chỉ giáo dục tương đương.	※ Ứng viên chỉ có thể nộp đơn nếu đã trở thành công dân nước ngoài trước khi nhập học tiểu học.
Đối với sinh viên hệ chuyển tiếp năm 3	Cả bố và mẹ của ứng viên đều không được mang quốc tịch Hàn Quốc. Ứng viên phải ĐÃ hoàn thành (hoặc DỰ KIẾN sẽ hoàn thành) ít nhất hai năm (bốn học kỳ) trong chương trình cấp độ đại học tại một trường đại học chính quy; hoặc ĐÃ tốt nghiệp (hoặc DỰ KIẾN sẽ tốt nghiệp) từ một trường cao đẳng hai năm hoặc ba năm; hoặc chứng chỉ giáo dục tương đương.	※ Ứng viên nhận giáo dục tại nhà (không qua trường lớp chính quy) hoặc chỉ có bằng G.E.D. không đủ điều kiện để ứng tuyển.

※ Ứng viên phải đáp ứng cả điều kiện riêng của từng khoa và điều kiện ứng tuyển chung.

## 1.3. Phương pháp xét tuyển

Khối ngành/Khoa (Ngành)	Cách thức tính điểm	Phương pháp xét tuyển và tỉ lệ
Nhân văn, Khoa học Xã hội, Kinh doanh - Kinh tế, Khoa học tự nhiên, Công nghệ sinh học, Bách khoa, Kỹ thuật Sáng tạo ICT, Công nghệ thông tin, Nghệ thuật & Công nghệ Ngành Thiết kế Nhà ở & Nội thất và Ngành Thời trang	Cộng gộp toàn bộ điểm	Xét duyệt hồ sơ 100%
Nghệ thuật, Thể dục Thể thao	Cộng gộp toàn bộ điểm	Xét duyệt hồ sơ 50%, Thi thực hành (Portfolio) 50%

## 1.4. Quyết định ứng viên trúng tuyển

- Quyết định ứng viên trúng tuyển sẽ được dựa trên tổng điểm của mỗi ứng viên theo tiêu chuẩn của từng khoa.
- Các ứng viên sau sẽ bị đánh trượt: ứng viên không đủ điều kiện trúng tuyển (bao gồm luôn cả ứng viên không đủ điều kiện xét tuyển), vắng mặt (trong kỳ thi thực hành) hoặc không nộp đủ tài liệu cần thiết.
- Nguyện vọng 2 chỉ được xét nếu ứng viên đã trượt nguyện vọng 1.
- Trong trường hợp visa của ứng viên bị từ chối bởi chính phủ Hàn Quốc, quyết định nhập học có thể bị hủy bỏ. Trong trường hợp này, học phí sẽ được hoàn lại theo chính sách của nhà trường.
- Việc không nộp đủ tài liệu, khai thông tin sai, làm giả, sửa đổi, gian lận trong kỳ thi hoặc không đủ điều kiện sẽ đều bị đánh trượt, và dù đã trúng tuyển thì quyết định nhập học vẫn có thể sẽ bị hủy bỏ.



## 1.5. Thời gian nộp hồ sơ

	Đợt 1 Kỳ mùa Thu năm 2025	Nội dung
Ứng tuyển	Từ 02/06/2025 (thứ 2, 9:00) đến 13/06/2025 (thứ 6, 18:00)	Bắt buộc phải ứng tuyển trên website <a href="http://oia.cau.ac.kr">http://oia.cau.ac.kr</a> Chọn "Korean">"입학">"공지사항"
Nộp hồ sơ	Từ 02/06/2025 (thứ 2, 9:00) đến 13/06/2025 (thứ 6, 18:00)	Xem địa chỉ nộp hồ sơ ở trang 15
Bài thi thực hành của Khối ngành Nghệ thuật và Thể thao	21/06/2025 (thứ 7)	Thông tin chi tiết sẽ được thông báo trên trang website <a href="https://oia.cau.ac.kr/">https://oia.cau.ac.kr/</a>
Thông báo danh sách trúng tuyển	04/07/2025 (thứ 6)	Sẽ được đăng trên website <a href="https://oia.cau.ac.kr/">https://oia.cau.ac.kr/</a> Chọn "Korean">"입학">"공지사항"
Đăng ký "Giấy báo nhập học"	04/07/2025 (thứ 6)	Tham khảo thông tin chi tiết trên trang website <a href="https://oia.cau.ac.kr/">https://oia.cau.ac.kr/</a> và trang 18
Đóng học phí	Từ 16/07/2025 (thứ 4) đến 18/07/2025 (thứ 6)	Nhận thanh toán thông qua tài khoản ngân hàng Woori tại Hàn Quốc
Chào đón tân sinh viên (OT)	25/08/2025 (thứ 2)	Thông tin chi tiết sẽ được thông báo sau Học kỳ bắt đầu vào 01/09/2025

## 1.6. Bài thi thực hành

Khối	Khoa/Ngành		Dạng thức bài thi	Điểm thành phần
Khối ngành Nghệ thuật	Khoa Thiết kế	Thủ công mỹ nghệ	<p>● <b>Đánh giá dựa trên portfolio</b></p> <p>Đánh giá dựa trên portfolio do thí sinh tự chuẩn bị. Portfolio phải bao gồm tối đa 12 dự án sáng tạo có hệ thống, theo các yêu cầu sau:</p> <p>01. Portfolio bao gồm 4 bản mô tả chi tiết và tối đa 12 sản phẩm/dự án.</p> <p>02. Portfolio cần trình bày quá trình thực hiện từ xây dựng ý tưởng đến hoàn thành sản phẩm hoàn chỉnh, kèm theo giải thích về cách thí sinh đã phát triển bản sắc cá nhân qua các tác phẩm.</p> <p>03. Kích thước portfolio phải là A4 (210 x 297mm), có thể chọn theo chiều ngang hoặc chiều dọc.</p> <p>04. Nếu có tài liệu trên USB, các file dữ liệu phải được lưu dưới định dạng "jpg (hình ảnh)", "mov (video)" hoặc "mp3 (âm thanh)".</p> <p>05. Nếu có tài liệu video hoặc âm thanh, thời lượng của mỗi tài liệu không vượt quá 2 phút.</p> <p>06. Phòng vấn sẽ được thay thế bằng video giới thiệu.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời lượng: dưới 2 phút.</li> <li>- Nói trực tiếp vào camera (bắt đầu bằng việc nói tên và giới thiệu bản thân).</li> <li>- Giới thiệu bằng tiếng Hàn.</li> <li>- Định dạng file lưu trữ: .mov</li> <li>- Không có hiệu ứng đặc biệt hoặc lớp phủ màn hình.</li> </ul> <p>07. Nếu phát hiện có sự sao chép tác phẩm của người khác hoặc việc tác phẩm được thực hiện bởi người khác, kết quả sẽ bị hủy bỏ ngay cả sau khi đã nhập học.</p> <p>※ Portfolio phải được nộp cùng với hồ sơ nhập học, không có kỳ thi thực hành riêng tại trường.</p>	100%
		Thiết kế Công nghiệp		
		Thiết kế Trực quan		

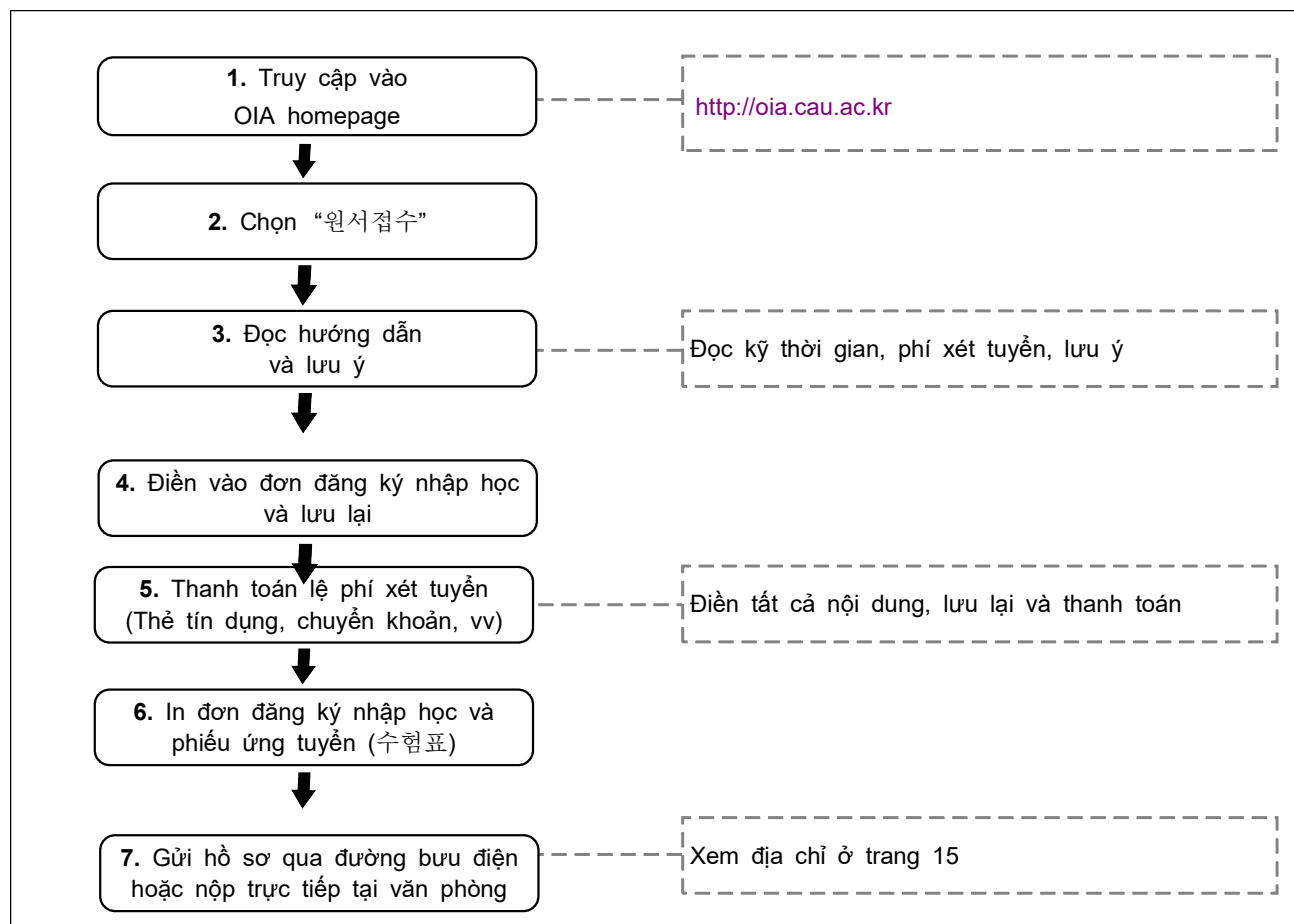
Khối	Khoa/Ngành		Dạng thức bài thi	Điểm thành phần
Khối ngành Nghệ thuật	Khoa Nghệ thuật Toàn cầu	Phát thanh Truyền hình và Giải trí	<p><b>1. Video Giới thiệu bản thân</b></p> <p>1. Nội dung: Chỉ đề cập đến tên của bạn và ngành học bạn đã ứng tuyển, sau đó tập trung vào giải thích liên quan đến portfolio đã nộp (mục đích của tác phẩm, vai trò của bạn, nỗ lực để thực hiện vai trò, quá trình sản xuất, động cơ sáng tác, v.v.)</p> <p>** Video giới thiệu phải bắt đầu với câu sau: Tôi là [Tên bạn], ứng tuyển vào ngành TV, Phát thanh truyền hình thuộc Khoa Nghệ thuật Toàn cầu, Đại học Chung-Ang. Portfolio tôi nộp bao gồm...</p> <p>2. Thời lượng video: Dưới 1 phút 30 giây</p> <p>3. Định dạng file: mov hoặc mp4, độ phân giải 1920*1080</p> <p>4. Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Video giới thiệu có thể sử dụng ngôn ngữ khác nhưng phải nộp bản dịch tiếng Hàn hoặc thêm phụ đề tiếng Hàn vào video</li> <li>- Không đề cập đến lý do ứng tuyển, quan hệ gia đình, hoặc định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp (nếu đề cập sẽ bị trừ điểm)</li> <li>- Video giới thiệu phải được quay với camera cố định (16:9), chỉ hiển thị phần thân trên (Bust shot) của bạn</li> </ul> <p><b>2. Portfolio</b> (Tối đa 2 tác phẩm, không phân biệt thể loại):</p> <p>1. Video có thể là live-action, hoạt hình, CGI, v.v. (tuy nhiên, ảnh/ chữ tranh không được chấp nhận).</p> <p>2. Thể loại video (phim ngắn, web drama, video ngắn, video biểu diễn, v.v.) đều được chấp nhận nhưng phải là tác phẩm thể hiện rõ nhất vai trò hoặc khả năng của bạn (cắt ghép video không vượt quá 5 phút)</p> <p>3. Trong video, bắt buộc phải ghi rõ vai trò của bản thân bằng phụ đề tiếng Hàn hoặc tiếng Anh.</p> <p>4. Đối với ứng viên ngành diễn xuất, bắt buộc phải nộp video độc thoại do chính bạn diễn. Video phải được quay bằng camera cố định (16:9) và sử dụng ngôn ngữ hình thể phù hợp để thể hiện diễn xuất của bạn (dưới 1 phút 30 giây, nếu diễn bằng ngoại ngữ thì cần phụ đề tiếng Hàn).</p> <p>5. Đối với người nộp kịch bản, phải nộp kèm theo 1 trang giới thiệu ý tưởng/ synopsis (Chỉ công nhận vai trò độc lập của bạn).</p> <p><b>3. Lưu ý:</b> Nếu phát hiện có người khác thực hiện tác phẩm thay hoặc sao chép tác phẩm của người khác, kết quả sẽ bị hủy bỏ ngay cả sau khi đã nhập học.</p> <p><b>※ Portfolio phải được nộp cùng với hồ sơ nhập học, không có kỳ thi thực hành riêng tại trường.</b></p>	100%
		Âm nhạc Ứng dụng	<p><b>1. Giới thiệu bản thân:</b> Đính kèm bài tự giới thiệu và một video ngắn giới thiệu về bản thân.</p> <p>1. Nội dung: Giới thiệu chuyên ngành bạn muốn ứng tuyển và giải thích về portfolio đã nộp (như động lực ứng tuyển, những gì muốn học tại trường, định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp và vai trò của bản thân, v.v.)</p> <p>2. Thời lượng video: Tối thiểu 30 giây, tối đa 90 giây</p> <p>3. Định dạng file: MOV hoặc MP4</p> <p>4. Lưu ý</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1) Video giới thiệu nên sử dụng tiếng Hàn cơ bản. Nếu sử dụng ngôn ngữ khác, phải nộp tài liệu dịch kèm theo.</li> <li>2) Nói trực tiếp vào camera (bắt đầu bằng việc nói tên và sau đó tiếp tục giới thiệu bản thân).</li> </ol> <p><b>2. Portfolio</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biểu diễn nhạc cụ: Video biểu diễn nhạc cụ do chính bạn chơi, có thể là trống, bass, guitar, piano, nhạc cụ dây, hoặc nhạc cụ đồng.</li> <li>- Hát: Video hát do chính bạn thể hiện.</li> <li>- Đối với phần hát, chỉ chấp nhận các tác phẩm chưa qua chỉnh sửa bằng Auto-Tune (tác phẩm sử dụng Auto-Tune sẽ không được chấp nhận).</li> <li>- Sáng tác, phối khí (Composition &amp; Arrangement): Video thể hiện quá</li> </ul>	

		<p>trình sáng tác.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Thời lượng video: Mỗi video khoảng 2 phút.</li> <li>* Định dạng file: MOV hoặc MP4, với âm thanh được lưu dưới định dạng mp3.</li> <li>* Portfolio có thể bao gồm từ tối thiểu 1 đến tối đa 3 tác phẩm.</li> </ul> <p><b>3. Lưu ý:</b> Nếu phát hiện có người khác thực hiện tác phẩm thay hoặc sao chép tác phẩm của người khác, kết quả sẽ bị hủy bỏ ngay cả sau khi đã nhập học.</p> <p><b>※ Portfolio phải được nộp cùng với hồ sơ nhập học, không có kỳ thi thực hành riêng tại trường.</b></p>	
	<p style="text-align: center;">Game Contents &amp; Animations</p>	<p>● <b>Giới thiệu bản thân (Self-introduction)</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Nội dung: Đề cập đến động lực ứng tuyển, định hướng nghề nghiệp mong muốn, các program mà bản thân có thể sử dụng được, chương trình học mong muốn, giải thích về nội dung portfolio đã nộp.</li> <li>Thời lượng video: Tối đa 90 giây</li> <li>Định dạng file: MOV hoặc MP4</li> <li>Lưu ý: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói trực tiếp vào camera</li> <li>- Giải thích chi tiết về công việc và kế hoạch tương lai của bạn</li> <li>- Nếu có chương trình hoặc ngôn ngữ lập trình thường sử dụng, hãy đề cập đến</li> <li>- Sử dụng tiếng Hàn. Nếu sử dụng ngôn ngữ khác, phải nộp bản dịch kèm theo</li> </ul> </li> </ol> <p>● <b>Portfolio</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Định dạng <ol style="list-style-type: none"> <li>Tối đa 20 hình ảnh tác phẩm do bạn tự tạo (nộp dưới dạng 1 file PDF)</li> <li>Tối đa 3 video tác phẩm do bạn tự tạo (nộp dưới dạng 1 file MP4)</li> </ol> </li> <li>Nội dung <ol style="list-style-type: none"> <li>Game <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhân vật (Thiết kế, mô hình, rigging, concept art, v.v.)</li> <li>- Môi trường (Thiết kế cấp độ, mô hình, ánh sáng, texturing, v.v.)</li> <li>- Kỹ thuật (Shader, particle, đồ họa)</li> <li>- VFX (Chất lỏng, môi trường, vật lý, v.v.)</li> </ul> </li> <li>Hoạt hình (Animation) <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt hình 2D/3D (Rigging, nhân vật, hoạt hình, v.v.)</li> <li>- Cinematic (Previs, camera work, v.v.)</li> <li>- Concept (Phác thảo, nhân vật, phát triển hình ảnh)</li> <li>- UI/UX (Giao diện, thiết kế UX, hoạt hình UI)</li> </ul> </li> <li>Tương tác (Interaction): <ul style="list-style-type: none"> <li>- VR/AR/MR/XR (Tương tác, tracking, cảm biến)</li> <li>- Mapping (Chiếu sáng, media facade, hiệu suất tương tác)</li> </ul> </li> </ol> </li> </ol> <p>※ Tự do nộp các tác phẩm thuộc các mục trên.</p> <p>※ Phải ghi rõ tiêu đề, ngày tạo, và chương trình sử dụng ở góc dưới bên phải của tất cả các tài liệu trong hồ sơ. Ví dụ: Into the New Universe / 2024 / Unreal Engine 5.1</p> <p>● <b>Lưu ý:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Khuyến khích ứng viên xây dựng quá trình hoàn thành tác phẩm rõ ràng, từ ý tưởng đến bước hoàn thiện.</li> <li>Đối với các tác phẩm tương tác và lắp đặt, cần nộp video ghi lại quá trình lắp đặt.</li> <li>Sử dụng AI chỉ được chấp nhận theo điều kiện phê duyệt cá nhân.</li> <li>Nếu phát hiện có người khác thực hiện tác phẩm thay hoặc sao chép tác phẩm của người khác, kết quả sẽ bị hủy bỏ ngay cả sau khi đã nhập học.</li> </ol> <p><b>※ Portfolio phải được nộp cùng với hồ sơ nhập học, không có kỳ thi thực hành riêng tại trường.</b></p>	

Khối	Khoa/Ngành	Dạng thức bài thi	Điểm thành phần
Thể dục Thể thao	Khoa học Thể dục	<p>◎ <b>Portfolio phải được chuẩn bị với các nội dung sau:</b></p> <p>01. <b>Giới thiệu bản thân:</b> Giới thiệu ngắn gọn về bản thân</p> <p>02. <b>Hoạt động thể thao:</b> Thông tin về hoạt động thể thao ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông, các hoạt động trong câu lạc bộ thể thao, cùng với kế hoạch và mục tiêu trong tương lai.</p> <p>03. <b>Thành tích thể thao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nội dung và tài liệu chứng minh các hoạt động thể thao ở trường trung học cơ sở và trung học phổ thông, bao gồm cả thành tích đạt được.</li> <li>- Tài liệu chứng minh kinh nghiệm làm vận động viên, cùng với các chứng chỉ liên quan đến thể thao.</li> </ul> <p>*Nếu nội dung của portfolio bị khai man hoặc làm giả, kết quả trúng tuyển sẽ bị hủy ngay cả sau khi nhập học.</p> <p>*Sử dụng tiếng Hàn. Nếu sử dụng ngôn ngữ khác, phải nộp bản dịch kèm theo.</p> <p>※ Portfolio phải được nộp cùng với hồ sơ nhập học, không có kỳ thi thực hành riêng tại trường.</p>	100%

## 1.7. Cách thức tiếp nhận hồ sơ

- 1) Từ 02/06/2025 (thứ 2, 9:00) đến 13/06/2025 (thứ 6, 18:00)
- 2) Quy trình ứng tuyển



### 3) Lưu ý

- 1) Đơn đăng ký phải được hoàn thành và lưu lại trước 6 giờ chiều ngày cuối cùng của thời hạn đăng ký. Các đơn đăng ký chưa được lưu lại sẽ không được chấp nhận.
- 2) Tham khảo trang 21 và nhập điểm trung bình
- 3) Các ứng viên muốn đăng ký nguyện vọng 2 phải trước tiên hoàn thành và thanh toán lệ phí cho đơn đăng ký của nguyện vọng 1. Sau đó, hoàn thành đơn đăng ký cho nguyện vọng 2 và tiến hành thanh toán lệ phí cho nguyện vọng 2.

## 1.8. Phí xét tuyển

Khối ngành/Khoa	Phí xét tuyển (Nguyện vọng 1)	Phí xét tuyển (Nguyện vọng 2)
Nhân văn, Khoa học Xã hội, Kinh doanh - Kinh tế, Khoa học Tự nhiên, Công nghệ Sinh học, Bách khoa, Kỹ thuật Công nghệ ICT, Công nghệ thông tin, Nghệ thuật và Công nghệ	150,000 won	60,000 won
Nghệ thuật, Thể dục Thể thao	200,000 won	x

- ※ Sau thời hạn đăng ký, đơn đăng ký và phí xét tuyển sẽ không được hoàn lại.
- ※ Lệ phí xét tuyển cho Ngành Thiết kế Nhà ở & Nội thất và Ngành Thời trang của Khoa Thiết kế sẽ được tính như lệ phí xét tuyển của Khoa Nhân văn.
- ※ Lệ phí xét tuyển có thể được thay đổi theo chính sách của Ủy ban Quản lý Tuyển sinh Đại học.

## 1.9. Hồ sơ cần thiết

1) Từ 02/06/2025 (thứ 2) đến 13/06/2025 (thứ 6)

2) Hồ sơ

No.	Hồ sơ	Nhập học mới	Hệ chuyển tiếp	Dịch thuật công chứng	Ghi chú
1	Đơn đăng ký nhập học	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>		In đơn đăng ký sau khi đã điền online
2	Chứng chỉ chứng nhận (dự kiến) tốt nghiệp THPT	<input type="radio"/>		<input type="radio"/>	
3	Bảng điểm các năm THPT (GPA cụ thể trên thang điểm 100 hoặc chỉ rõ điểm chuẩn gốc)	<input type="radio"/>		<input type="radio"/>	Bản dịch công chứng trong vòng 3 tháng
4	Giấy chứng minh quan hệ gia đình: Giấy khai sinh	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	Bản dịch công chứng trong vòng 3 tháng
5	Bản sao thẻ Căn cước (Ứng viên và bố mẹ)	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>		
6	Bản sao Hộ chiếu (Ứng viên)	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>		
7	Bản sao thẻ Người nước ngoài (mặt trước và mặt sau)	Nếu có	Nếu có		
8	Giấy chứng minh mối quan hệ gia đình và Giấy xác nhận từ bỏ quốc tịch Hàn Quốc	Nếu có	Nếu có		Đối với người đã từ bỏ quốc tịch Hàn Quốc và nhận quốc tịch nước ngoài
	Giấy chứng nhận nhập tịch	Nếu có	Nếu có		
9	Giấy chứng nhận việc nhận nuôi và Giấy chứng nhận nhập tịch (nếu rõ ngày nhận quốc tịch)	Nếu có	Nếu có		Đối với người đã nhập tịch nước ngoài sau khi được nhận nuôi
	Giấy xác nhận việc từ bỏ quốc tịch Hàn Quốc	Nếu có	Nếu có		
10	Chứng chỉ ngoại ngữ (TOEIC, TOEFL, IELTS, JLPT, HSK)	Nếu có	Nếu có		- Chỉ công nhận chứng chỉ còn hạn - Không công nhận nếu chứng chỉ ngôn ngữ đó là tiếng mẹ đẻ
11	Chứng chỉ TOPIK hoặc giấy xác nhận hoàn thành (đang tham gia) khóa học tiếng Hàn tại Viện Ngôn ngữ	Nếu có	Nếu có		- Chỉ công nhận chứng chỉ còn hạn
12	Giấy xác nhận sinh viên đang theo học trường Đại học		<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	Bản dịch công chứng trong vòng 3 tháng
13	Bảng điểm học tập từ trường đại học (hoặc cao đẳng) ※ (Chỉ rõ số tín chỉ yêu cầu để tốt nghiệp, điểm GPA cụ thể theo thang điểm 100 hoặc chỉ rõ thang điểm chuẩn gốc)		<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	Bản dịch công chứng trong vòng 3 tháng
14	Chứng chỉ chứng nhận (dự kiến) tốt nghiệp Đại học (hoặc Cao đẳng)		<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	
15	Portfolio	Nếu cần	Nếu cần		Tham khảo trang 10
*	Tài liệu chứng minh học lực cao nhất	Các ứng viên trúng tuyển vui lòng tham khảo trang 19, 20			

※ Tất cả các bản dịch công chứng phải được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền ở quốc gia của ứng viên, trừ những trường hợp bất khả thi.

## 1.10. Lưu ý về hồ sơ

Mọi thông tin liên quan đến tuyển sinh sẽ được thông báo trên trang web của Phòng Hợp tác Quốc tế (<https://oia.cau.ac.kr>). Sinh viên vui lòng kiểm tra trang web thường xuyên để không bỏ lỡ thông tin quan trọng.

	Nội dung
Thời gian nộp hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> <li>Từ 02/06/2025 (thứ 2) đến 13/06/2025 (thứ 6)</li> </ul>
Địa chỉ nộp hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> <li>Địa chỉ bằng tiếng Hàn: 서울특별시 동작구 흑석로 84 중앙대학교 100주년 기념관(310관) 2층, 210호 국제처 (06974)</li> <li>Địa chỉ bằng tiếng Anh: Office of International Affairs, Room#210, Building#310, Chung-Ang University, 84 Heuksuk-Ro, Dongjak-Gu, Seoul, Korea(06974)</li> <li>Số điện thoại: +82-2-820-6575, 6124</li> <li>E-mail : <a href="mailto:ba@cau.ac.kr">ba@cau.ac.kr</a></li> <li>Website : <a href="http://oia.cau.ac.kr">http://oia.cau.ac.kr</a></li> </ul>
Điểm lưu ý về hồ sơ cần nộp	<ul style="list-style-type: none"> <li>Ứng viên phải nộp BẢN GỐC của tất cả hồ sơ (bản sao có chứng thực sao y bản chính từ cơ quan có thẩm quyền sẽ được xem như là bản gốc)</li> <li>Nếu ứng viên không thể nộp bản gốc và chỉ có thể nộp bản sao, hồ sơ của ứng viên cần nhận xác nhận đối chiếu với bản gốc từ cán bộ phụ trách của Phòng Hợp tác Quốc tế trường Chung-Ang.</li> <li>Các tài liệu không được viết bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh phải nộp bản dịch công chứng bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh.</li> <li>Đối với ứng viên đăng ký 2 nguyện vọng, phải in đơn đăng ký nhập học cho cả 2 ngành và nộp cùng với 1 bộ hồ sơ nhập học.</li> <li>Sau khi đã đăng ký online, hãy in nhãn gửi thư để dán lên phong bì và nộp cùng với hồ sơ.</li> <li>Nếu tên trên các tài liệu nộp không khớp với nhau, cần nộp tài liệu chứng minh là cùng một người do tòa án của quốc gia đó cấp.</li> <li>Có thể yêu cầu thêm tài liệu xác minh trong quá trình xét hồ sơ.</li> <li>Các tài liệu đã nộp sẽ được lưu trữ trong một khoảng thời gian nhất định theo Điều 25 của Nghị định về "Luật Quản lý Hồ sơ Công" và "Hướng dẫn Xác định Thời gian Lưu trữ Hồ sơ Đại học" (Bộ Giáo dục), sau đó sẽ bị tiêu hủy và không được hoàn trả dưới bất kỳ hình thức nào.</li> <li>Nếu thông tin bị làm giả hoặc không đầy đủ, ứng viên có thể bị loại khỏi quy trình tuyển sinh.</li> </ul>
Portfolio	<ul style="list-style-type: none"> <li>Áp dụng cho các khoa : Khoa Thiết kế (Thủ công mỹ nghệ, Thiết kế công nghiệp, Thiết kế trực quan), Khoa Nghệ thuật toàn cầu, Khoa Khoa học Thể thao</li> <li>Đối với những khoa ở trên ứng viên vui lòng nộp portfolio trước thứ 6, ngày 18 tháng 4 năm 2025.</li> </ul>
Hồ sơ xét học bổng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Học bổng chỉ được áp dụng nếu ứng viên nộp các tài liệu liên quan đến học bổng (bảng điểm TOPIK, chứng nhận hoàn thành khóa học ngôn ngữ) trước thứ 6 ngày 4 tháng 7 năm 2025.</li> </ul>
Tài liệu chứng minh học vấn	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các ứng viên trúng tuyển cuối cùng phải nộp chứng chỉ chứng nhận tốt nghiệp và giấy xác nhận sinh viên đang theo học tại trường học ở nước ngoài với Chứng nhận Apostille từ cơ quan chính phủ của quốc gia đó hoặc xác nhận của lãnh sự quán Hàn Quốc (Dấu tím/Dấu đỏ).</li> <li>Hạn chót: thứ 6, ngày 11 tháng 7 năm 2025</li> <li>※ Trường hợp ứng viên không nộp đầy đủ hồ sơ, kết quả nhập học sẽ bị hủy.</li> </ul>
Ghi chú	<ul style="list-style-type: none"> <li>Mọi thông tin hướng dẫn tuyển sinh sẽ được thông báo chung đến tất cả ứng viên, vì vậy ứng viên phải đọc và hiểu rõ nội dung trước khi nộp hồ sơ. Mọi bất lợi phát sinh do không nắm rõ thông tin sẽ do thí sinh tự chịu trách nhiệm.</li> <li>Kết quả tuyển sinh và nội dung đánh giá sẽ không được công khai.</li> <li>Các nội dung không được ghi trong bản hướng dẫn này sẽ được quyết theo quyết định của Ủy ban Quản lý Tuyển sinh Sinh viên Quốc tế của trường.</li> <li>Thí sinh trúng tuyển phải hoàn thành thủ tục đóng học phí trong thời gian quy định. Nếu không kết quả trúng tuyển sẽ bị hủy.</li> <li>Những ứng viên đã trúng tuyển sẽ được tự động đăng ký bảo hiểm y tế quốc gia sau khi nhập cảnh và đăng ký cư trú.</li> </ul>

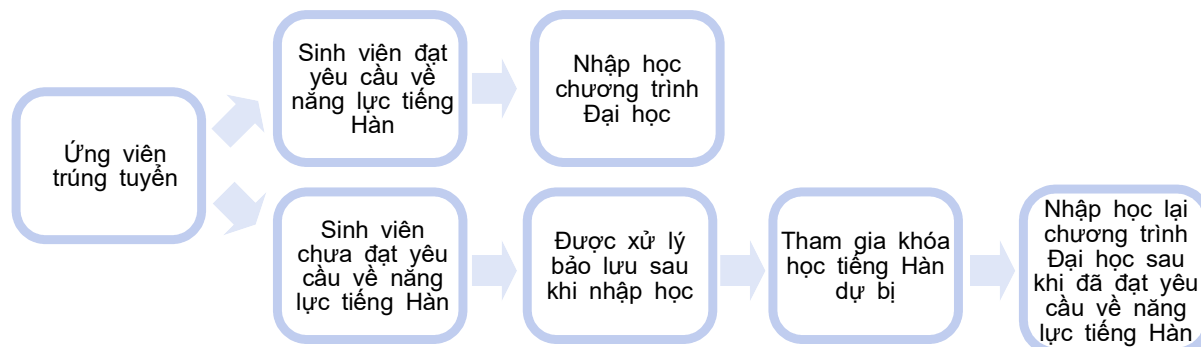


2

## TIÊU CHUẨN NĂNG LỰC TIẾNG HÀN VÀ THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH DỰ BỊ TIẾNG HÀN

### 2.1. Quy trình nhập học lớp dự bị

- Theo quy định tuyển sinh của trường, chỉ những sinh viên đạt yêu cầu về năng lực tiếng Hàn mới đủ điều kiện để bắt đầu chương trình đại học.



### 2.2. Yêu cầu về năng lực tiếng Hàn để nhập học đại học

Tiêu chuẩn	Ghi chú
TOPIK 4 trở lên	Riêng Khoa Thiết kế, Khoa Nghệ thuật Toàn cầu (Ngành Âm nhạc Ứng dụng, Ngành Game Contents & Animations) chỉ cần TOPIK 3 trở lên
Hoàn thành khóa học cấp 4 hoặc cao hơn tại Viện Ngôn ngữ trường Đại học Chung-Ang	
Hoàn thành khóa học cấp 5 hoặc cao hơn tại Viện Ngôn ngữ của một trong những trường đại học công nhận	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham khảo trang 21</li> <li>- Có thể thay đổi tùy thuộc vào tình hình hoạt động của chương trình đào tạo tiếng Hàn của trường</li> <li>- Chỉ áp dụng khi nhập học</li> </ul>
Hoàn thành khóa học Trung cấp 2 hoặc cao hơn của Học viện Sejong	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ áp dụng khi nhập học</li> </ul>

### 2.3. Lưu ý cho sinh viên chưa đạt yêu cầu về năng lực tiếng Hàn

- Sinh viên phải thanh toán cả học phí đại học và học phí chương trình tiếng Hàn.
- Ngay sau khi nhập học, sinh viên sẽ được xử lý bảo lưu (bảo lưu để tham gia khóa đào tạo tiếng Hàn), và phải tham gia chương trình tiếng Hàn tại Viện Ngôn ngữ của trường cho đến khi đạt yêu cầu.
- Sinh viên đang theo học tiếng có thể tham gia chương trình đào tạo với visa D-4-1.
  - Nếu sinh viên đang sở hữu loại visa có thể tham gia khóa đào tạo ngôn ngữ (ví dụ: loại A, E, F), không cần phải thay đổi visa.
- Trong 6 tháng đầu sau khi nhập học, sinh viên bắt buộc phải học tại Viện Ngôn ngữ ở cơ sở Da Vinci (Anseong).
- Việc không đăng ký (thanh toán học phí) chương trình tiếng Hàn có thể dẫn đến việc hủy bỏ kết quả nhập học chương trình Đại học.
- Những sinh viên viên đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực tiếng Hàn cần nộp chứng từ liên quan cho Phòng Hợp tác Quốc tế để đăng ký nhập học lại.

## 3 HỌC BỔNG VÀ HỌC PHÍ

### 3.1. Kỳ đầu tiên

	Điều kiện	Mức học bổng
Học bổng	TOPIK cấp 6	100% học phí
	TOPIK cấp 5	50% học phí
	Đã hoàn thành lớp cấp 5 (hoặc hơn) tại Viện ngôn ngữ trường Đại học Chung-Ang	50% học phí
	Đã hoàn thành lớp cấp 4 tại Viện ngôn ngữ trường Đại học Chung-Ang	30% học phí
	Đã hoàn thành lớp cấp 5 (hoặc hơn) tại Viện ngôn ngữ của một trong những trường Đại học chứng nhận (danh sách tham khảo trang 23)	30% học phí

- Có thể cộng gộp các loại học bổng (trong phạm vi hạn mức học phí).
- Học bổng chỉ được áp dụng nếu ứng viên nộp các tài liệu liên quan đến học bổng (bảng điểm TOPIK, chứng nhận hoàn thành khóa học ngôn ngữ) trước ngày 4 tháng 7 năm 2025 (thứ Sáu).

### 3.2. Từ kỳ thứ hai trở đi: học bổng được cấp cho những sinh viên có thành tích xuất sắc trong học kỳ trước theo quy định của trường.

Điều kiện	Mức học bổng	Thời hạn
Đạt 4.3 (hoặc hơn) điểm GPA trong kỳ trước	100% học phí	Trong thời gian đào tạo quy định
Đạt 4.0 (hoặc hơn) điểm GPA trong kỳ trước	50% học phí	
Đạt 3.7 (hoặc hơn) điểm GPA trong kỳ trước	30% học phí	
Đạt 3.2 (hoặc hơn) điểm GPA trong kỳ trước	20% học phí	

- Trong trường hợp mất quốc tịch nước ngoài (và nhập tịch Hàn Quốc), sinh viên sẽ không còn đủ điều kiện nhận học bổng này.
- Các tiêu chuẩn học bổng trên có thể thay đổi tùy theo các chính sách liên quan.

### 3.3. Học phí (năm 2025)

Khối ngành/Khoa		Học phí kỳ đầu	Học phí từ kỳ 2
Nhân văn, Khoa học Xã hội, Kinh doanh - Kinh tế		5,076,000 won	4,880,000 won
Khoa học Tự nhiên, Công nghệ Sinh học		5,882,000 won	5,686,000 won
Bách khoa, Kỹ thuật Công nghệ ICT, Công nghệ thông tin, Nghệ thuật & Công nghệ		6,670,000 won	6,474,000 won
Khối Nghệ thuật	Thiết kế, Nghệ thuật Toàn cầu, Nghệ thuật Biểu diễn và Sáng tạo (Nhiếp ảnh, Múa)	6,714,000 won	6,518,000 won
	Âm nhạc, Nghệ thuật Truyền thống	6,923,000 won	6,727,000 won
	Khoa Nghệ thuật Biểu diễn và Sáng tạo (Diễn xuất, Điện ảnh, Đạo diễn Sân khấu và Điện ảnh)	6,775,000 won	6,579,000 won
Thể dục Thể thao		6,043,000 won	5,847,000 won

- Học phí có thể thay đổi tùy theo chính sách của trường

## 4 THỦ TỤC XIN VISA D-2

	Sinh viên đang cư trú tại Hàn Quốc	Sinh viên đang cư trú ngoài Hàn Quốc
Hồ sơ cần nộp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký, hộ chiếu, 1 tấm hình thẻ</li> <li>- Thẻ người nước ngoài (nếu có)</li> <li>- Giấy xác nhận nơi cư trú</li> <li>- <b>Giấy báo nhập học, giấy đăng ký kinh doanh của Đại học Chung-Ang</b></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký, hộ chiếu, 1 tấm hình thẻ</li> <li>- <b>Giấy báo nhập học, giấy đăng ký kinh doanh của Đại học Chung-Ang</b> (Sẽ được cấp qua email)</li> </ul>

- Tùy vào tình trạng cư trú của sinh viên, vui lòng liên hệ trước với Cục Xuất nhập cảnh hoặc cơ quan địa phương để hỏi về các tài liệu cần thiết cho việc xin visa.
- Tùy vào tình trạng của sinh viên, cơ quan xuất nhập cảnh hoặc cơ quan địa phương có thể yêu cầu bổ sung tài liệu khi nộp đơn xin visa.

## 5 ĐĂNG KÝ "GIẤY BÁO NHẬP HỌC"

1. Về thủ tục xin visa du học (D-2), vui lòng tham khảo tài liệu hướng dẫn "Các điểm cần lưu ý cho ứng viên trúng tuyển".
2. Những ứng viên trúng tuyển chưa đạt yêu cầu về trình độ ngôn ngữ sẽ cần xin visa học tiếng (D-4) để vào học lớp đào tạo tiếng Hàn, và sẽ được thông báo riêng.

## 6 Giấy tờ cần thiết để đăng ký "Giấy báo nhập học"

### 6.1. Hồ sơ chứng minh tài chính: Giấy xác nhận số dư tài khoản

	Nội dung
Tài liệu	Giấy xác nhận số dư tài khoản ngân hàng của ứng viên hoặc bố mẹ ứng viên
Tiêu chuẩn	Giấy xác nhận số dư tài khoản ngân hàng được cấp trong vòng 30 NGÀY tính từ ngày nộp đơn xin cấp (hoặc thay đổi) visa.
Thời gian nộp	Chỉ ứng viên trúng tuyển mới cần nộp (trong thời gian nhận đăng ký) ※ Lưu ý: Không nộp cùng với hồ sơ nhập học
Số lượng	1 bản, nộp cho trường
Số tiền	Trên 20,000,000 won / 16,000 đô / 380,000,000 đồng
Lưu ý	<ul style="list-style-type: none"> <li>○ Tiêu chuẩn nộp hồ sơ có thể thay đổi theo chỉ thị của Cục Xuất nhập cảnh Bộ Tư pháp.</li> <li>○ Nếu ứng viên có dự định đổi visa tại Hàn Quốc, hãy nộp giấy xác nhận số dư tài khoản do ngân hàng trong nước (Hàn Quốc) cấp.</li> <li>○ Cục Xuất nhập cảnh hoặc cơ quan cấp visa có thể yêu cầu thêm tài liệu liên quan đến tài chính.</li> <li>○ Giấy xác nhận số dư tài khoản có thể không được công nhận tùy theo quyết định của Bộ Tư pháp.</li> </ul>

※ Hướng dẫn về việc nộp giấy xác nhận số dư tài khoản dành cho ứng viên trúng tuyển CHƯA đạt yêu cầu về trình độ tiếng Hàn sẽ được thông báo riêng trên trang web của Phòng Hợp tác Quốc tế <https://oia.cau.ac.kr/>.

### 6.2. Tài liệu chứng minh học lực cao nhất: Tài liệu chứng nhận học vấn

Phân loại		Hồ sơ cần nộp		
		Giấy xác nhận tốt nghiệp THPT	Giấy xác nhận sinh viên đang theo học trường Đại học	Giấy xác nhận tốt nghiệp trường Đại học/ trường Cao đẳng
THPT	Đã tốt nghiệp	V		
Trường Đại học hệ 4 năm	Đang theo học	V	V	
Trường Đại học hệ 4 năm/ trường Cao đẳng	Đã tốt nghiệp			V

• Vui lòng tham khảo các phương pháp chứng nhận theo từng loại tài liệu chứng nhận học vấn dưới đây cho giấy chứng nhận ở trên.

### 6.3. Phương pháp xác thực từng loại tài liệu chứng minh học lực cao nhất

Phân loại	Giấy tờ chứng minh học lực cao nhất		
	Trung Quốc (đối với ứng viên theo học hoặc đã tốt nghiệp tại trường cấp ba hoặc đại học tại Trung Quốc)	Các nước khác	
		Các nước tham gia công ước Apostille	Các nước không tham gia công ước Apostille
Bằng tốt nghiệp THPT	Đối với ứng viên tốt nghiệp hoặc theo học tại trường Trung học phổ thông tại Trung Quốc: Nộp bằng tốt nghiệp do trường cấp và giấy xác nhận học lực do Bộ Giáo dục Trung Quốc cấp (Cơ quan phát hành: <a href="http://www.chsi.com.cn">www.chsi.com.cn</a> ). Đối với ứng viên tốt nghiệp trường chuyên môn hoặc trường nghề tại Trung Quốc, xin hãy tham khảo bản tiếng Hàn trang 19	Chứng thực Apostille do cơ quan chính phủ cấp hoặc chứng thực lãnh sự do Đại sứ quán Hàn Quốc cấp (dấu đỏ/dấu tím)	Chứng thực lãnh sự do Đại sứ quán Hàn Quốc cấp (dấu đỏ/dấu tím)
Giấy chứng nhận đang học (hoặc đã hoàn thành) tại Đại học 4 năm	Tham khảo bản tiếng Hàn trang 19		
Giấy chứng nhận tốt nghiệp Đại học 4 năm hoặc trường Cao đẳng			

※ Đối với ứng viên đã hoàn thành chương trình học hoặc nhận bằng tại Hàn Quốc: Giấy xác nhận tốt nghiệp do các trường trung học và đại học trong nước cấp (không yêu cầu công chứng thêm).

#### ☐ Các lưu ý khi nộp tài liệu:

- Đối với ứng viên dự kiến tốt nghiệp, sau khi tốt nghiệp, ứng viên phải nộp các tài liệu chứng nhận học vấn - liên quan đến việc tốt nghiệp trước ngày 29 tháng 8 năm 2025.
- Nếu ứng viên không thể nộp tài liệu chứng nhận, ứng viên sẽ bị hạn chế cấp visa và kết quả của ứng viên có thể bị hủy bỏ.
- Các yêu cầu trên có thể thay đổi tùy theo quy định của Bộ Giáo dục và Bộ Tư pháp Hàn Quốc.

7

## Danh sách các trường đại học được công nhận chứng chỉ tiếng Hàn năm 2024 (2024.3.1 ~ 2025.2.28)

Tổng	Tên trường
121 trường	가천대학교, 가톨릭대학교, 강서대학교, 강원대학교, 건국대학교, 건국대학교(글로벌), 건양대학교, 경기대학교, 경남대학교, 경동대학교, 경북대학교, 경상국립대학교, 경성대학교, 경운대학교, 경일대학교, 경희대학교, 계명대학교, 고려대학교, 고려대학교(세종), 광주과학기술원, 광주여자대학교, 국립강릉원주대학교, 국립공주대학교, 국립군산대학교, 국립목포대학교, 국립부경대학교, 국립순천대학교, 국립안동대학교, 국립창원대학교, 국립한국교통대학교, 국립한국해양대학교, 국립한밭대학교, 국민대학교, 김천대학교, 나사렛대학교, 남서울대학교, 단국대학교, 대구가톨릭대학교, 대구경북과학기술원, 대구대학교, 대구한의대학교, 대신대학교, 대전대학교, 대진대학교, 덕성여자대학교, 동국대학교, 동국대학교(WISE), 동덕여자대학교, 동서대학교, 동신대학교, 동아대학교, 동의대학교, 명지대학교, 목원대학교, 배재대학교, 백석대학교, 부산대학교, 부산외국어대학교, 서강대학교, 서경대학교, 서울과학기술대학교, 서울대학교, 서울시립대학교, 서울신학대학교, 서울여자대학교, 선문대학교, 성결대학교, 성균관대학교, 성신여자대학교, 세명대학교, 세종대학교, 숙명여자대학교, 순천향대학교, 숭실대학교, 신경주대학교, 신라대학교, 신한대학교, 이주대학교, 안양대학교, 연세대학교, 연세대학교(미래), 영남대학교, 영산대학교, 우석대학교, 우송대학교, 울산과학기술원, 울산대학교, 원광대학교, 이화여자대학교, 인제대학교, 인천대학교, 인하대학교, 전남대학교, 전북대학교, 제주대학교, 조선대학교, 중부대학교, 중앙대학교, 중원대학교, 청주대학교, 추계예술대학교, 충남대학교, 충북대학교, 평택대학교, 포항공과대학교, 한국과학기술원, 한국교원대학교, 한국기술교육대학교, 한국외국어대학교, 한국항공대학교, 한남대학교, 한동대학교, 한림대학교, 한서대학교, 한성대학교, 한세대학교, 한양대학교, 한양대학교(ERICA), 호남대학교, 호서대학교, 홍익대학교

8

## Phương thức nhập điểm trên đơn ứng tuyển online

1. Nhập điểm trung bình dựa trên thang điểm 100 từ bảng điểm do trường cấp.
2. Nếu bảng điểm do trường cấp không hiển thị điểm trung bình, ứng viên nên tính toán và nhập điểm bằng cách sử dụng biểu mẫu tính điểm Excel trên trang web ứng tuyển.
3. Cách tính kỳ nhập điểm

	Hệ thống trường	Kỳ nhập điểm		Ghi chú
Tân sinh viên	THPT (3 năm)	• Tất cả các kỳ		Chuyển đổi và nhập điểm trung bình dựa trên thang điểm 100. Ví dụ: 85.4/100
	THPT (5 năm)	• 6 kỳ cuối		
Hệ chuyển tiếp năm 2	Trường Cao đẳng	• Tất cả các kỳ		
	Trường đại học chính quy	• 2 kỳ đầu		
Hệ chuyển tiếp năm 3	Trường Cao đẳng	• Tất cả các kỳ		
	Trường đại học chính quy	• 4 kỳ đầu		
Trường Cao đẳng hệ 5 năm		Tân sinh viên	6 kỳ đầu	
		Hệ chuyển tiếp	4 kỳ cuối	

## III. ĐỜI SỐNG SINH VIÊN

---

- Liên hệ
- Ký túc xá
- Bản đồ

# 1 Liên hệ

Nội dung	Bộ phận phụ trách	Thông tin liên lạc
Học phí	Phòng Tài chính - Kế toán	02-820-6072~7
Học bổng (cho sinh viên đang theo học)	Phòng Hỗ trợ Học vụ của Khoa trực thuộc	※ Đối với tân sinh viên vui lòng liên hệ Phòng Hợp tác Quốc tế (02-820-6575)
Hợp tác giao lưu quốc tế	Phòng Hợp tác Quốc tế	02-820-6360, <a href="http://oia.cau.ac.kr/k_main.php">http://oia.cau.ac.kr/k_main.php</a>
Xét duyệt tuyển chọn ký túc xá	Cơ sở Seoul	02-820-6672, <a href="http://dormitory.cau.ac.kr">http://dormitory.cau.ac.kr</a>
	Cơ sở Anseong	031-670-3482, <a href="https://dorm.cau.ac.kr/">https://dorm.cau.ac.kr/</a>
Chứng nhận kỹ thuật	Trung tâm Đổi mới Giáo dục Kỹ thuật	02-820-6558/6555, <a href="http://abeek.cau.ac.kr">http://abeek.cau.ac.kr</a>
Liên quan đến học vụ (Đăng ký môn học, văn bằng 2, bảo lưu, nhập học lại, v.v.)	Nhân văn	02-820-5046/5047, <a href="http://human.cau.ac.kr">http://human.cau.ac.kr</a>
	Khoa học Xã hội	02-820-5077, <a href="http://society.cau.ac.kr">http://society.cau.ac.kr</a>
	Khoa học Tự nhiên	02-820-5186/5184, <a href="http://nature.cau.ac.kr">http://nature.cau.ac.kr</a>
	Bách khoa	02-820-5247/5248, <a href="http://coe.cau.ac.kr">http://coe.cau.ac.kr</a>
	Kỹ thuật Công nghệ ICT	02-820-5251/5252, <a href="http://ict.cau.ac.kr">http://ict.cau.ac.kr</a>
	Công nghệ thông tin	02-820-5251/5252, <a href="http://sw.cau.ac.kr">http://sw.cau.ac.kr</a>
	Kinh doanh-Kinh tế	02-820-5526/5532, <a href="http://bne.cau.ac.kr">http://bne.cau.ac.kr</a>
	Nghệ thuật & Công nghệ	031-670-3182, <a href="http://artech.cau.ac.kr/">http://artech.cau.ac.kr/</a>
	Công nghệ sinh học	031-670-3016/3017, <a href="http://cobiotech.cau.ac.kr/">http://cobiotech.cau.ac.kr/</a>
	Nghệ thuật	031-670-3071/3328(다빈치캠퍼스), <a href="http://arts.cau.ac.kr">http://arts.cau.ac.kr</a> 02-820-5774(서울캠퍼스)
	Thể dục Thể thao	031-670-4523, <a href="http://sport.cau.ac.kr">http://sport.cau.ac.kr</a>
	Phòng Học vụ	02-820-6032/6033/6034/6037/6040, <a href="https://www.cau.ac.kr/cms/FR_CON/index.do?MENU_ID=130">https://www.cau.ac.kr/cms/FR_CON/index.do?MENU_ID=130</a>
Hướng dẫn đường đi đến cơ sở Anseong		<a href="http://중앙대.info">http://중앙대.info</a>



## 2 KÝ TÚC XÁ

### 2.1. Cơ sở Seoul

Blue Mir Hall  
(tòa 308, tòa  
309)



**Blue Mir Hall**  
(tòa 308, tòa 309)

<b>Sức chứa</b>	Tổng 2,426 người
Nam	Phòng đôi: 1,062 người / Phòng 4: 84 người / Phòng dành cho người khuyết tật: 12 người
Nữ	Phòng đôi: 1,152 người / Phòng 4: 104 người / Phòng dành cho người khuyết tật: 12 người

<b>Phí</b>	※ Năm 2025	
	Phòng đôi	Phòng 4
16 tuần (trong kỳ)	1,366,400 won	952,000 won
8 tuần (kỳ nghỉ)	683,200 won	476,000 won
Ngắn hạn	15,000	10,500

<b>Cách thức và thời gian đăng ký</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Vui lòng kiểm tra thông báo từ Phòng Hợp tác Quốc tế dự kiến sẽ được đăng vào tháng 7 và đăng ký trên trang web ký túc xá (<a href="http://dormitory.cau.ac.kr">http://dormitory.cau.ac.kr</a>).</li> </ul>
---------------------------------------	--

<b>Tiêu chuẩn xét duyệt</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dựa trên thành tích xét tuyển nhập học</li> </ul>
-----------------------------	--

<b>Cơ sở vật chất tiện ích</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Mỗi phòng đều được trang bị mạng LAN có dây và không dây.</li> <li>Có phòng hội thảo, phòng máy tính, máy in đa chức năng, phòng sinh hoạt chung, phòng giặt, v.v.</li> <li>Bao gồm nhà ăn ký túc xá, phòng gym, cửa hàng tiện lợi, quán cà phê, v.v.</li> </ul>
--------------------------------	---

<b>Căn tin</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Căn tin (Bluemir Hall tòa 308, tòa 309): Phục vụ thường xuyên các món Hàn, Âu, Trung.</li> </ul>
----------------	---

<b>Một số nội dung khác</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Điều kiện nhập ký túc xá và phương thức tuyển chọn tuân theo quy định của ký túc xá.</li> <li>Phí ký túc xá và sức chứa được áp dụng theo tiêu chuẩn năm học 2024 và có thể thay đổi.</li> <li>Vui lòng tham khảo thông báo trên trang web của ký túc xá để biết thêm thông tin về đăng ký và xét duyệt.</li> <li>Liên hệ: Ký túc xá cơ sở Seoul ☎ 02)820-6672.</li> </ul>
-----------------------------	---

## 2.2. Cơ sở Anseong

Toàn cảnh



Cơ sở vật chất



**Tòa Yeji 1~3, Tòa Myeongdeok 1~3**

<b>Sức chứa</b>	Tổng 1,944 người	
Nam	612 người	※ Không bao ký túc xá dành cho vận động viên và các ký túc xá khác.
Nữ	1,332 người	

<b>Phí</b>	※ Phí ký túc xá được áp dụng theo tiêu chuẩn năm học 2024 và tính theo từng học kỳ. ※ Trong kỳ nghỉ, phí ký túc xá sẽ được áp dụng theo bảng phí lưu trú ngắn hạn.							
16 tuần (trong kỳ)	Nam			Nữ				
	Tòa Yeji 2		Tòa Yeji 3	Tòa Yeji 1		Tòa Myeongdeok 1,2	Tòa Myeongdeok 3	Tòa 708 (Tòa Phúc Lợi)
	Phòng đơn	Phòng đôi	Phòng đôi/ 3	Phòng đơn	Phòng đôi	Phòng đôi	Phòng đôi	Phòng đơn
	1,225,000 won	860,000 won	940,000 won	1,225,000 won	860,000 won	860,000 won	910,000 won	1,375,000 won
8 tuần (kỳ nghỉ)	Phòng đơn (Nam / Nữ)			Phòng đôi (Nam / Nữ)				
	Số ngày sử dụng khu ký túc xá thường * 12,000 won Số ngày sử dụng Tòa Phúc Lợi * 13,000 won			Số ngày sử dụng * 10,000 won				

<b>Cách thức và thời gian đăng ký</b>	• Vui lòng kiểm tra thông báo từ Phòng Hợp tác Quốc tế dự kiến sẽ được đăng vào tháng 7 và đăng ký trên trang web ký túc xá ( <a href="http://dormitory.cau.ac.kr">http://dormitory.cau.ac.kr</a> ).
---------------------------------------	--

<b>Tiêu chuẩn xét duyệt</b>	• Dựa trên thành tích xét tuyển nhập học
-----------------------------	--

<b>Cơ sở vật chất tiện ích</b>	• Phòng máy tính, phòng đọc sách, phòng học nhóm, phòng giặt • Phòng sinh hoạt chung được trang bị truyền hình vệ tinh, máy bán hàng tự động, lò vi sóng, v.v. • Mỗi phòng đều có mạng LAN có dây và không dây • Phòng gym, phòng tập thể dục tổng hợp, sân cầu lông, phòng giảng dạy kỹ năng sống, v.v.
--------------------------------	---

<b>Một số nội dung khác</b>	• Điều kiện nhập ký túc xá và phương thức tuyển chọn tuân theo quy định của ký túc xá. • Phí ký túc xá và sức chứa được áp dụng theo tiêu chuẩn năm học 2024 và có thể thay đổi. • Vui lòng tham khảo thông báo trên trang web của ký túc xá để biết thêm thông tin về đăng ký và xét duyệt. ※ Liên hệ: Ký túc xá cơ sở Anseong ☎ 031) 670-3480
-----------------------------	--



### 3 BẢN ĐỒ

Bản đồ	VR Tour		Hướng dẫn đường đi
	Cơ sở Seoul	Cơ sở Anseong	
 <a href="https://www.cau.ac.kr/cms/FR_CON/index.do?MENU_ID=610">https://www.cau.ac.kr/cms/FR_CON/index.do?MENU_ID=610</a>	 <a href="https://www.cau.ac.kr/vr2/020/seoul/">https://www.cau.ac.kr/vr2/020/seoul/</a>	 <a href="https://www.cau.ac.kr/vr2/020/anseong/">https://www.cau.ac.kr/vr2/020/anseong/</a>	 <a href="https://www.cau.ac.kr/cms/FR_CON/index.do?MENU_ID=290">https://www.cau.ac.kr/cms/FR_CON/index.do?MENU_ID=290</a>

#### 서울 캠퍼스



101관(영신관) / 102관(약학대학 및 R&D센터) / 103관(파이퍼홀) / 104관(수림과학관) / 105관(제1의학관) / 106관(제2의학관) / 107관(학생회관) / 108관(108관)

201관(본관) / 202관(전산정보관) / 203관(서라벌홀) / 204관(중앙도서관) / 207관(봄스트홀) / 208관(제2공학관) / 209관(창업보육관)

301관(중앙문화예술관) / 302관(대학원) / 303관(법학관) / 304관(미디어공연영상관) / 305관(교수연구동 및 체육관) / 307관(글로벌하우스) / 308관(블루미르홀308관) / 309관(블루미르홀309관) / 310관(100주년기념관)

A(부속유치원) / B(부속초등학교) / C(부속중학교) / D(중앙대학교병원) / E(푸쳐하우스)



## 다빈치 캠퍼스



601관(교직원회관 1관) / 602관(교직원회관 2관) / 603관(교직원회관 3관) / 605관(제1음악관) / 606관(제2음악관) / 607관(영신음악관) / 608관(국악관) / 609관(산학협력관) / 610관(학생복지관) / 611관(학생회관)

701관(예지1동) / 702관(예지2동) / 703관(예지3동) / 704관(명덕1동) / 705관(명덕2동) / 706관(명덕3동) / 707관(학생후생관) / 708관(생활복지관)

801관(중앙문화관) / 802관(교수연구관) / 803관(조소관 2관) / 804관(조소관 1관) / 805관(공연영상관 1관) / 806관(공연영상관 2관) / 807관(공예관) / 808관(조형관) / 809관(생명공학관 1관) / 810관(원형관) / 811관(창업보육관 1관) / 812관(선수생활관) / 813관(대학교회)

901관(본관) / 902관(중앙도서관) / 903관(승차장) / 904관(생명공학관 2관) / 905관(생명공학관 3관) / 906관(창업보육관 2관) / 907관(수업체육관) / 908관(체육관(농구장))

A(정문) / B(골프장) / C(대운동장) / D(버스 기사 대기실) / E(축구장) / F(야구장)